

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế  
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 56

03/03/2017  
HAC  
RM  
17

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trồng và kinh doanh trái cây, cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bảo Sơn.

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 01/2023/GUQ-TGD HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2023.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 12827243/66922630/LR-HN

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần với số tiền là 247.093.313 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Đồng thời, cũng tại ngày này, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 7.250.590.723 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 5.512.417.842 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Mạnh Quang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

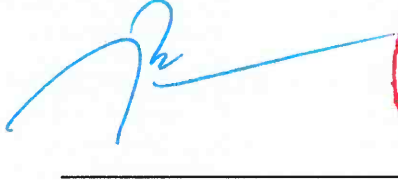
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.310.823.952</b>	<b>3.039.104.581</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>7.765.221</b>	<b>27.802.937</b>
111	1. Tiền		7.765.221	27.802.937
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.078.769.145</b>	<b>1.255.225.751</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	487.907.956	838.802.025
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	127.448.130	110.965.534
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	393.351.438	119.365.500
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	157.431.935	273.169.821
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 7	(87.370.314)	(87.077.129)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>2.128.079.265</b>	<b>1.662.374.800</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.152.195.689	1.685.120.401
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(24.116.424)	(22.745.601)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>96.210.321</b>	<b>93.701.093</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	1.115.987	5.597.295
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	94.807.946	87.817.410
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	286.388	286.388
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>9.778.200.008</b>	<b>9.630.741.741</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		-	<b>220.713</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	220.713
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.445.040.747</b>	<b>5.247.478.291</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	5.435.852.046	5.237.921.790
222	Nguyên giá		7.874.106.370	7.437.157.166
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.438.254.324)	(2.199.235.376)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.188.701	9.556.501
228	Nguyên giá		11.555.784	11.549.834
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.367.083)	(1.993.333)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.822.684.182</b>	<b>3.888.862.683</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	3.822.684.182	3.888.862.683
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>345.626.145</b>	<b>330.666.827</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		345.626.145	330.666.827
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(2.594.610)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>164.848.934</b>	<b>163.513.227</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	65.543.751	59.359.386
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	99.305.183	104.153.841
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>13.089.023.960</b>	<b>12.669.846.322</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>10.300.500.609</b>	<b>9.635.373.327</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>8.823.241.794</b>	<b>7.327.694.807</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	454.935.787	297.359.348
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	805.074.875	715.885.589
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	11.214.717	11.175.544
314	4. Phải trả người lao động		24.433.086	47.143.668
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.001.128.873	614.102.838
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	134.815.534	113.563.191
320	7. Vay ngắn hạn	21	6.391.638.922	5.528.464.629
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.477.258.815</b>	<b>2.307.678.520</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	19	60.831.807	261.805.711
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	207.542.089	206.116.917
338	3. Vay dài hạn	21	1.208.884.919	1.819.755.892
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.3	-	20.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.788.523.351</b>	<b>3.034.472.995</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>2.788.523.351</b>	<b>3.034.472.995</b>
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(2.216.551.876)	(2.217.695.545)
421	4. Lỗ lũy kế		(7.250.590.723)	(7.003.497.410)
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế đến cuối kỳ trước		(7.003.497.410)	(3.427.047.708)
421b	- Lỗ sau thuế kỳ này		(247.093.313)	(3.576.449.702)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>13.089.023.960</b>	<b>12.669.846.322</b>

  
Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

  
Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc



Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	278.427.878	361.817.224
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(367.130.372)	(487.218.408)
20	3. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(88.702.494)	(125.401.184)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	17.623.314	5.601.626
22	5. Chi phí tài chính	26	(169.759.423)	(512.068.214)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(161.872.174)	(106.237.942)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết	14.1	14.959.318	18.138.285
25	7. Chi phí bán hàng	27	(13.288.553)	(8.547.913)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(40.249.608)	(34.755.417)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(279.417.446)	(657.032.817)
31	10. Thu nhập khác	28	21.332.749	22.457
32	11. Chi phí khác	28	(3.969.533)	(30.951.504)
40	12. Lợi nhuận (lỗ) khác		17.363.216	(30.929.047)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(262.054.230)	(687.961.864)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(190.425)	(58.250)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	29.3	15.151.342	18.020.718
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(247.093.313)	(669.999.396)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
61	17. Lỗ sau thuế của công ty mẹ	22	(247.093.313)	(669.999.396)
70	18. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	23	(223)	(604)
71	19. Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND)	23	(223)	(604)



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(262.054.230)</b>	<b>(687.961.864)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	240.169.286	181.122.443
03	Dự phòng		1.664.008	7.019.664
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(8.281.208)	396.941.680
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(200.664)	(19.622)
06	Chi phí lãi vay	26	161.872.174	106.237.942
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>133.169.366</b>	<b>3.340.243</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		458.317.756	(8.761.805)
10	Tăng hàng tồn kho		(467.075.288)	(93.667.278)
11	Tăng các khoản phải trả		242.594.397	24.183.108
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(12.157.105)	388.426
14	Tiền lãi vay đã trả		(104.998.325)	(44.645.227)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>249.850.801</b>	<b>(119.162.533)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(250.466.382)	(165.458.871)
23	Tiền chi cho đơn vị khác vay		(275.087.498)	-
27	Lãi tiền gửi và lãi cho vay		31.701	258.628
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(525.522.179)</b>	<b>(165.200.243)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	21	917.440.000	851.450.087
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(661.806.338)	(586.383.349)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>255.633.662</b>	<b>265.066.738</b>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		<b>(20.037.716)</b>	<b>(19.296.038)</b>
60	Tiền đầu kỳ		<b>27.802.937</b>	<b>29.941.540</b>
70	Tiền cuối kỳ	4	<b>7.765.221</b>	<b>10.645.502</b>

Nguyễn Văn Tiên  
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười chín (19) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại SGDCKHCM theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là “HNG”.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là trồng và kinh doanh trái cây, cao su và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 2.548 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.700 người).

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
<b>Công ty con</b>				
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh (“HAQM Lào”)	Nông nghiệp	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100
(2) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu (“HA Attapeu”)	Nông nghiệp và xây dựng	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri (“HA Rattanakiri”)	Nông nghiệp	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(4) Công ty TNHH Heng Brothers (“Heng Brothers”)	Nông nghiệp	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav (“HA Oyadav”)	Nông nghiệp	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
(6) Công ty TNHH CRD (“CRD”)	Nông nghiệp	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100
<b>Công ty liên kết</b>				
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (“Bidiphar”)	Nông nghiệp	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

### 2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.6 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Nhóm Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Nhóm Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Nhóm Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần với số tiền là 247.093.313 ngàn VND cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023. Đồng thời, cũng vào ngày này, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 7.250.590.723 ngàn VND và nợ ngắn hạn của Nhóm Công ty đã vượt hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 5.512.417.842 ngàn VND. Hơn nữa, vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã vi phạm một số điều khoản của các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 21.3 và số 21.4 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trong yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

Tuy nhiên, cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đồng thời các giải pháp để giải quyết các vấn đề nêu trên. Cụ thể, Nhóm Công ty đang tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty và thực hiện tái cơ cấu một số khoản nợ và đang đàm phán với các bên cho vay để điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Trước đó, ngày 3 tháng 8 năm 2018, Nhóm Công ty đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco"), rằng Thaco cam kết sẽ hỗ trợ Nhóm Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Nhóm Công ty. Ngoài ra, vào ngày 1 tháng 1 năm 2023, Nhóm Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("Thaco Agri"). Theo đó, Thaco Agri hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Nhóm Công ty. Trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc vẫn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

#### *Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng*

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 25 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	10 - 15 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)**

*Khấu hao các loại cây trồng lâu năm*

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)			
	Vườn cây cao su (i)	Vườn cây chuối (ii)	Vườn mít (iii)	Vườn xoài (iv)
Năm thứ 1	2,50	10,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	2,80	10,00	1,80	1,00
Năm thứ 3	3,50	10,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	4,40	10,00	5,80	4,30
Năm thứ 5	4,80	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 6	5,40	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 7	5,40	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 8	5,10	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 9	5,10	10,00	5,80	5,80
Năm thứ 10	5,00	Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 11	7,00		5,80	5,80
Năm thứ 12	6,60		5,80	5,80
Năm thứ 13	6,20		5,80	5,80
Năm thứ 14	5,90		5,80	5,80
Năm thứ 15	5,50		5,80	5,80
Năm thứ 16	5,40		4,70	5,80
Năm thứ 17	5,00		4,70	5,80
Năm thứ 18	5,50		4,70	5,80
Năm thứ 19	5,20		4,70	5,80
Năm thứ 20	Giá trị còn lại		Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

*Vườn cây cao su*

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ cây đủ tiêu chuẩn cạo mủ (chu vi thân cây đo cách mặt đất 1m đạt từ 45cm trở lên và độ dày vỏ ở độ cao 1m cách mặt đất đạt từ 6mm trở lên) đạt trên 70% số cây còn sống trong lô.

*Vườn cây ăn trái*

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 *Khấu hao và hao mòn* (tiếp theo)

*Khấu hao các loại cây trồng lâu năm* (tiếp theo)

- (i) Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác hai mươi (20) năm.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với vườn xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 của Ban Tổng Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (v) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

#### 3.7 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

*Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

*Vườn cây*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

#### 3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát triển vườn cây ngắn ngày. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ; và
- Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây.

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

#### 3.13 Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

##### *Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài*

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất giữa niên độ báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã quy đổi các báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con sử dụng đồng tiền kế toán bằng USD và KHR theo các tỷ giá như sau:

- USD/VND: tỷ giá tài sản: 23.430; tỷ giá nợ phải trả: 23.730 (31 tháng 12 năm 2022: tỷ giá tài sản: 23.405; tỷ giá nợ phải trả: 23.685); và
- KHR/VND: tỷ giá tài sản: 5,61; tỷ giá nợ phải trả: 5,94 (31 tháng 12 năm 2022: tỷ giá tài sản: 5,65; tỷ giá nợ phải trả: 5,96).

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong khi các chi phí này đã phát sinh.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

#### 3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	3.144.497	9.543.733
Tiền gửi ngân hàng	4.620.724	18.259.204
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.765.221</b>	<b>27.802.937</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu từ hoạt động xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào (i)	408.931.011	733.940.875
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	78.976.945	104.861.150
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	24.541.653	24.541.653
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	20.394.913	20.373.151
- Các khách hàng khác	34.040.379	59.946.346
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>487.907.956</b>	<b>838.802.025</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(63.952.277)	(63.812.369)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>423.955.679</b>	<b>774.989.656</b>
Trong đó:		
<i>Phải thu các bên liên quan (TM số 30)</i>	110.037	629.381
<i>Phải thu bên khác</i>	423.845.642	774.360.275

(i) Khoản phải thu Chính phủ Lào thể hiện khoản phải thu từ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu và sân bay quốc tế Nongkhang tại Lào.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	63.812.368	44.233.627
Dự phòng trích lập trong kỳ	139.909	7.822.992
Xóa sổ dự phòng	-	(899.012)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>63.952.277</b>	<b>51.157.607</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	20.536.860	30.144.257
- Thaco Agri	2.242.437	22.627.027
- Khác	18.294.423	7.517.230
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	106.911.270	80.821.277
- Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến Huy	12.090.950	8.855.981
- Công ty TNHH ANN Construction	11.799.494	8.993.005
- Khác	83.020.826	62.972.291
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>127.448.130</b>	<b>110.965.534</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	(2.406.037)	(2.252.760)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>125.042.093</b>	<b>108.712.774</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho các bên liên quan (TM số 30)</i>	2.246.707	24.554.199
<i>Trả trước cho các bên khác</i>	122.795.386	84.158.575

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu các bên liên quan từ việc cản trừ công nợ	86.294.978	205.078.864
Phải thu cổ tức	26.144.558	26.144.558
Tạm ứng cho nhân viên	17.132.409	9.669.950
Khác	27.859.990	32.276.449
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>157.431.935</b>	<b>273.169.821</b>
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn	(21.012.000)	(21.012.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>136.419.935</b>	<b>252.157.821</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (TM số 30)</i>	109.249.102	228.480.761
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	27.170.833	23.677.060

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Khoản cho vay này sẽ được cản trừ với tiền thuế, tiền thuê đất và các nghĩa vụ phải trả khác mà Nhóm Công ty phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai hoặc được Chính phủ Lào hoàn trả lại bằng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.744.110.031	1.357.094.568
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng (i)</i>	982.345.426	882.075.702
<i>Hoạt động sản xuất, trồng trọt (ii)</i>	761.764.605	475.018.866
Nguyên vật liệu	343.035.795	238.223.795
Công cụ, dụng cụ	26.000.065	25.057.803
Hàng hóa	21.440.928	18.489.710
Thành phẩm	17.608.870	46.254.525
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.152.195.689</b>	<b>1.685.120.401</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.116.424)	(22.745.601)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>2.128.079.265</b>	<b>1.662.374.800</b>

- (i) Số dư này chủ yếu thể hiện khoản chi phí xây dựng sân bay dở dang theo Hợp đồng Xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào số LAO - NKP01, ngày 15 tháng 6 năm 2013. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã cơ bản hoàn thiện việc xây dựng sân bay Quốc tế Nongkhang và đang trong quá trình thực hiện một số công việc còn lại nhằm hoàn tất dự án.
- (ii) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 21).

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	22.745.601	2.325.394
Dự phòng trích lập trong kỳ	11.633.870	-
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(10.263.047)	(851.519)
Số cuối kỳ	24.116.424	1.473.875



**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Cây trồng lâu năm	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Ngân VND
<b>Nguyên giá</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.242.912.490	1.034.921.944	880.523.670	269.115.234	3.077.485	6.606.343	7.437.157.166
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	415.509.226	19.386.809	-	3.188.194	-	-	438.084.229
Mua mới	-	1.588.293	-	1.310.029	-	-	2.898.322
Thanh lý	-	(1.588.683)	-	(682.544)	-	-	(2.271.227)
Chênh lệch tỷ giá	(3.737.996)	1.060.152	841.092	67.459	120	7.053	(1.762.120)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	5.654.683.720	1.055.368.515	881.364.762	272.998.372	3.077.605	6.613.396	7.874.106.370
<b>Trong đó:</b>							
Đã khấu hao hết	-	129.767.631	24.133.602	131.618.804	350.947	2.465.033	288.336.017
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(1.211.680.170)	(474.087.496)	(356.813.601)	(150.173.693)	(2.107.781)	(4.372.635)	(2.199.235.376)
Khấu hao trong kỳ	(174.470.179)	(30.492.037)	(24.887.569)	(9.504.639)	(276.555)	(164.557)	(239.795.536)
Thanh lý	-	1.167.131	-	645.653	-	-	1.812.784
Chênh lệch tỷ giá	(375.268)	(368.245)	(323.914)	35.989	(87)	(4.671)	(1.036.196)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	(1.386.525.617)	(503.780.647)	(382.025.084)	(158.996.690)	(2.384.423)	(4.541.863)	(2.438.254.324)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.031.232.320	560.834.448	523.710.069	118.941.541	969.704	2.233.708	5.237.921.790
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	4.268.158.103	551.587.868	499.339.678	114.001.682	693.182	2.071.533	5.435.852.046
<b>Trong đó:</b>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 21)	4.268.158.103	551.587.868	499.339.678	114.001.682	693.182	2.071.533	5.435.852.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.569.834	5.980.000	11.549.834
Chênh lệch tỷ giá	5.950	-	5.950
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>5.575.784</u>	<u>5.980.000</u>	<u>11.555.784</u>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	-	(1.993.333)	(1.993.333)
Hao mòn trong kỳ	-	(373.750)	(373.750)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	<u>(2.367.083)</u>	<u>(2.367.083)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>5.569.834</u>	<u>3.986.667</u>	<u>9.556.501</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>5.575.784</u>	<u>3.612.917</u>	<u>9.188.701</u>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	2.429.571.739	2.168.318.034
Chi phí phát triển vườn cây cao su	615.692.547	1.148.997.995
Nhà cửa và vật kiến trúc	233.897.643	233.479.056
Dự án nuôi bò	141.585.486	13.745.036
Các công trình khác	401.936.767	324.322.562
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.822.684.182</u></b>	<b><u>3.888.862.683</u></b>

Một phần chi phí xây dựng cơ bản đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (TM số 21).

Tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Số đầu kỳ	3.888.862.683	4.796.085.068
Mua mới	229.887.141	145.172.336
Chênh lệch tỷ giá	(3.162.866)	(1.080.708.551)
Chi phí lãi vay được vốn hóa	114.072.893	28.296.390
Kết chuyển tài sản cố định hữu hình	(438.084.229)	(452.428.528)
Khác	31.108.560	11.340.480
Số cuối kỳ	<u>3.822.684.182</u>	<u>3.447.757.195</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với tổng giá trị là 114.072.893 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 28.296.390 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay để tài trợ vốn cho việc phát triển vườn cây cao su và cây ăn trái.

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 14.1)	345.626.145	330.666.827
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 14.2)	2.594.610	2.594.610
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>348.220.755</b>	<b>333.261.437</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.594.610)	(2.594.610)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>345.626.145</b>	<b>330.666.827</b>

**14.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị ghi sổ Ngàn VND
Bidiphar (*)	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	345.626.145	49,14	330.666.827

(\*) Toàn bộ cổ phần Bidiphar sở hữu bởi Nhóm Công ty đã được sử dụng để thế chấp cho một số khoản vay ngân hàng.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Ngàn VND Bidiphar
<b>Giá trị đầu tư</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2023	286.004.636
<b>Phần lãi lũy kế sau khi đầu tư</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	44.662.191
Phần lãi từ công ty liên kết được chia trong kỳ	14.959.318
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	59.621.509
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	330.666.827
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	345.626.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Ngày 30 tháng 6 năm 2023		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	(2.594.610)

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.115.987</b>	<b>5.597.295</b>
Công cụ, dụng cụ	507.536	4.716.059
Chi phí khác	608.451	881.236
<b>Dài hạn</b>	<b>65.543.751</b>	<b>59.359.386</b>
Chi phí khai hoang	34.995.701	35.480.127
Công cụ, dụng cụ	22.851.502	17.986.679
Chi phí khác	7.696.548	5.892.580
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.659.738</b>	<b>64.956.681</b>

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	407.285.900	248.389.909
- Thaco Agri	198.930.527	112.713.913
- Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai ("Cơ khí Chu Lai")	73.594.068	21.720.834
- Khác	134.761.305	113.955.162
Phải trả người bán máy móc và thiết	21.634.878	24.300.000
Phải trả nhà thầu xây dựng	14.295.681	10.508.955
Phải trả khác	11.719.328	14.160.484
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>454.935.787</b>	<b>297.359.348</b>
Trong đó:		
Phải trả các bên liên quan (TM số 30)	385.262.209	191.718.831
Phải trả các bên khác	69.673.578	105.640.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	781.840.759	692.695.532
- Thaco Agri	758.894.089	669.793.292
- Khác	22.946.670	22.902.240
Khác	23.234.116	23.190.057
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>805.074.875</b>	<b>715.885.589</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan trả tiền trước (TM số 30)	758.894.090	669.793.293
Các bên khác trả tiền trước	46.180.785	46.092.296

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
<b>Phải thu:</b>				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	87.817.410	13.380.011	(6.389.475)	94.807.946
Thuế khác	286.388	3.000	(3.000)	286.388
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.103.798</b>	<b>13.383.011</b>	<b>(6.392.475)</b>	<b>95.094.334</b>
<b>Phải nộp:</b>				
Thuế TNDN (TM số 29.1)	9.516.217	206.607	-	9.722.824
Thuế thu nhập cá nhân	447.916	1.482.035	(1.488.415)	441.536
Thuế khác	1.211.411	285.038	(446.092)	1.050.357
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.175.544</b>	<b>1.973.680</b>	<b>(1.934.507)</b>	<b>11.214.717</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.001.128.873</b>	<b>614.102.838</b>
Chi phí lãi vay	966.100.589	576.224.704
Chi phí hoạt động	26.573.427	29.936.547
Chi phí khác	8.454.857	7.941.587
<b>Dài hạn</b>	<b>60.831.807</b>	<b>261.805.711</b>
Chi phí lãi vay	60.831.807	261.805.711
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.061.960.680</b>	<b>875.908.549</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 30)</i>		
- Ngắn hạn	338.353.645	98.699.961
- Dài hạn	10.485.970	67.560.975
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>713.121.065</i>	<i>709.647.613</i>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>134.815.534</b>	<b>113.563.191</b>
Phải trả tiền thuê đất	89.240.719	82.220.777
Phải trả tiền mượn các đơn vị khác (*)	17.091.025	9.573.048
Phải trả ngắn hạn khác	28.483.790	21.769.366
<b>Dài hạn</b>	<b>207.542.089</b>	<b>206.116.917</b>
Phải trả tiền thuê đất	138.309.603	138.055.417
Phải trả tiền mượn công ty, cá nhân (*)	69.232.486	67.446.878
Nhận ký quỹ	-	614.622
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>342.357.623</b>	<b>319.680.108</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 30)</i>		
- Ngắn hạn	17.091.025	10.101.055
- Dài hạn	32.692.547	9.163.143
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>292.574.051</i>	<i>300.415.910</i>

(\*) Các số dư này trình bày các khoản tiền mượn tín chấp, không lãi suất nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.391.638.922</b>	<b>5.528.464.629</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 21.1)	599.511.585	599.542.640
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 21.2 và 30)	272.740.518	312.440.522
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (TM số 21.3 và 30)	3.898.096.477	2.718.052.480
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 21.4)	1.621.290.342	1.898.428.987
<b>Dài hạn</b>	<b>1.208.884.919</b>	<b>1.819.755.892</b>
Vay dài hạn bên liên quan (TM số 21.3 và 30)	1.013.611.114	1.599.896.488
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 21.4)	195.273.805	219.859.404
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.600.523.841</u></b>	<b><u>7.348.220.521</u></b>

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	5.528.464.629	1.819.755.892	7.348.220.521
Tiền thu từ đi vay	318.740.000	598.700.000	917.440.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.204.723.172	(1.204.723.172)	-
Chênh lệch tỷ giá	(3.482.541)	338.058	(3.144.483)
Cần trừ công nợ	-	(185.859)	(185.859)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(656.806.338)	(5.000.000)	(661.806.338)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>6.391.638.922</u>	<u>1.208.884.919</u>	<u>7.600.523.841</u>

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết của khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 9, 10 và 12)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	599.511.585	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2023 đến ngày 29 tháng 2 năm 2024	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 2,35%/năm 2023: 9,50 - 12,45%	<p>- Tài sản thuộc sở hữu của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT, đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tô nhượng kinh tế số Kor Ror 0185 có diện tích 925 ha tại Campuchia;</p> <p>- Quyền khai thác, tài sản gắn liền 453,7 ha đất trồng trái cây; và quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT; và</p> <p>- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khánh Xay, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT.</p>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21 VAY (tiếp theo)**

**21.2 Vay ngắn hạn từ bên liên quan**

Nhóm Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	<u>272.740.518</u>	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến ngày 13 tháng 5 năm 2024	6,50 - 8,50

**21.3 Vay dài hạn bên liên quan**

Nhóm Công ty vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	3.398.096.477	Từ ngày 13 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024	9,00 - 14,50
HAG (*)	1.513.611.114	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2024	0,00
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.911.707.591</u></b>		

Trong đó:

Vay dài hạn	1.013.611.114
Vay dài hạn đến hạn trả	3.898.096.477

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 400.000.000 ngàn VND. Tuy nhiên, vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản vay quá hạn này.

**21.4 Vay dài hạn ngân hàng**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngàn VND Mục đích vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	924.523.647	1.189.474.248	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và bổ sung vốn lưu động
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("LaoVietBank")	668.955.895	705.729.538	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và nuôi bò
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	223.084.605	223.084.605	Tài trợ dự án cao su, cọ dầu và bổ sung vốn lưu động
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.816.564.147</u></b>	<b><u>2.118.288.391</u></b>	
Trong đó:			
Vay dài hạn	195.273.805	219.859.404	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.621.290.342	1.898.428.987	

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VAY (tiếp theo)

### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Nguyên tệ	USD	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
						(TM số 9, 10 và 12)
BIDV, Chi nhánh Gia Lai (*)	502.325.752	21.168.384		Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Lãi suất tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70%/năm (6 tháng 2023: 7,20%)	Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất bao gồm vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha, San Xay và Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.
BIDV, Chi nhánh Bình Định (**)	422.197.895	17.791.736		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Lãi suất huy động - tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (6 tháng 2023: 6,90%)	119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại Số 6, Đường Hoàng Văn Thu, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; - Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của HAG; - Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m <sup>2</sup> thuộc sở hữu của HAG; và Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cò dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>924.523.647</b>					

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 924.523.647

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay đúng theo thời hạn trên. Tuy nhiên, vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã có kế hoạch phù hợp để thanh toán khoản vay quá hạn này.

(\*\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, diện tích cao su và cò dầu Nhóm Công ty thực tế trống đang thấp hơn diện tích cam kết trong Hợp đồng Tín dụng.

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VAY (tiếp theo)

#### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 9, 10 và 12)
	Ngàn VND	Nguyên tệ			
	Ngàn LAK	USD			
LaoVietBank, Chi nhánh Attapeu					
Khoản vay 1 (i)	281.338.348	- 11.855.809	Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	9,00	- Trụ sở làm việc của HA Attapeu tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008 với diện tích đất 0,3 ha; - Nhà máy chế biến mù cao su tại Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò nhập khẩu thuộc sở hữu của HA Attapeu.
Khoản vay 2 (ii)	207.645.260	32.177.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	LAK: 9,00 USD: 9,00	Quyền sử dụng và khai thác 4.733,01 ha cao su và 3.155,79 ha cọ dầu và toàn bộ các công trình hỗ trợ tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu.

(i) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã bán toàn bộ số bò và chưa thanh toán khoản vay đúng theo thời hạn trên. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đang trình quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tái cơ cấu khoản vay này với lịch thanh toán mới từ năm 2023 đến năm 2028 và cập nhật lại tài sản đảm bảo mới.

(ii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích cọ dầu thực tế đang thấp hơn diện tích điện tích cam kết trong Hợp đồng Tín dụng.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VAY (tiếp theo)

### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 9, 10 và 12)
	Ngàn VND	USD				
LaoVietBank, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)						
Khoản vay 3 (iii)	165.556.312	6.976.667		Từ ngày 25 tháng 7 năm 2021 đến ngày 3 tháng 10 năm 2024	9,00	Quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của HA Quang Minh với tổng diện tích 1.313,89 ha và quyền khai thác 749,5 ha cây ăn trái.
Khoản vay 4 (iv)	14.415.975	607.500		Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến ngày 25 tháng 11 năm 2020	9,00	Tất cả các dụng cụ xây dựng và vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cơ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư thuộc sở hữu của HA Attapeu.

### TỔNG CỘNG

**668.955.895**

Trong đó:

Vay dài hạn 24.679.200  
Vay dài hạn đến hạn trả 644.276.695

(iii) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 91.518.708 ngàn VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đang trình quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tái cơ cấu khoản vay này với lịch thanh toán mới kéo dài từ năm 2023 đến năm 2028.

(iv) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 14.415.975 ngàn VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty đã có kế hoạch để thanh toán khoản vay quá hạn này.

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VAY (tiếp theo)

### 21.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (TM số 9, 10 và 12)
Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn	<u>223.084.605</u>	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2023 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank kỳ hạn 13 tháng lãi trả sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (6 tháng 2023: 9,05%)	23,2 triệu cổ phiếu HAG sở hữu bởi Ông Đoàn Nguyễn Đức và 14,5 triệu cổ phiếu HAQM Việt Nam sở hữu bởi Thaco Agri.
Trong đó:				
Vay dài hạn	170.594.605			
Vay dài hạn đến hạn trả	52.490.000			



**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai**

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lỗi lũy kế	Ngân VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.085.538.950	1.170.127.000	(2.832.146.815)	(3.426.495.708)	5.997.023.427
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(669.999.396)	(669.999.396)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(2.475.600.089)	-	(2.475.600.089)
Thủ lao HĐQT và BKS	-	-	-	(480.000)	(480.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	11.085.538.950	1.170.127.000	(5.307.746.904)	(4.096.975.104)	2.850.943.942
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(2.217.695.545)	(7.003.497.410)	3.034.472.995
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(247.093.313)	(247.093.313)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	1.143.669	-	1.143.669
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	11.085.538.950	1.170.127.000	(2.216.551.876)	(7.250.590.723)	2.788.523.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>11.085.538.950</u>	<u>11.085.538.950</u>

**22.3 Cổ phiếu**

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.108.553.895	1.108.553.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**23. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU**

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lỗ sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (ngàn VND)	(247.093.313)	(669.999.396)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu ( <i>cổ phiếu</i> )	1.108.553.895	1.108.553.895
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	<u>1.108.553.895</u>	<u>1.108.553.895</u>
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(223)	(604)
Lỗ suy giảm trên cổ phiếu (VND)	(223)	(604)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Doanh thu bán trái cây	225.226.934	284.777.307
Doanh thu bán mủ cao su	51.023.923	67.120.412
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	1.180.444	2.861.278
Doanh thu bán hàng hóa	996.577	7.058.227
	<b>278.427.878</b>	<b>361.817.224</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần với các bên liên quan</i>	267.014.476	326.256.859
<i>Doanh thu thuần với các bên khác</i>	11.413.402	35.560.365

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.591.613	5.582.004
Lãi tiền gửi ngân hàng	31.701	19.622
	<b>17.623.314</b>	<b>5.601.626</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Giá vốn trái cây đã bán	289.501.131	403.812.486
Giá vốn mủ cao su đã bán	74.271.335	75.112.371
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.272.133	2.082.380
Giá vốn hàng hóa	2.085.773	6.211.171
	<b>367.130.372</b>	<b>487.218.408</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	161.872.174	106.237.942
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.804.448	400.265.944
Khác	2.082.801	5.564.328
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>169.759.423</u></b>	<b><u>512.068.214</u></b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>13.288.553</b>	<b>8.547.913</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.655.700	6.893.861
Chi phí nhân viên	2.272.887	1.555.653
Khác	359.966	98.399
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>40.249.608</b>	<b>34.755.417</b>
Chi phí nhân viên	27.022.600	16.104.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.157.680	4.684.805
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.487.897	2.112.670
Khác	6.581.431	11.853.038
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.538.161</u></b>	<b><u>43.303.330</u></b>

**28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>21.332.749</b>	<b>22.457</b>
Xóa sổ công nợ phải trả	21.163.786	-
Khác	168.963	22.457
<b>Chi phí khác</b>	<b>3.969.533</b>	<b>30.951.504</b>
Chi phí xóa sổ tài sản không hiệu quả	1.387.005	19.042.889
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	1.488.798	6.848.176
Khác	1.093.730	5.060.439
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.363.216</u></b>	<b><u>(30.929.047)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2022: 20%).

Các công ty con của Công ty tại Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con của Công ty tại Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 29.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	190.425	58.250
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(15.151.342)</u>	<u>(18.020.718)</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(14.960.917)</u></b>	<b><u>(17.962.468)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(262.054.230)</b>	<b>(687.961.864)</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	279.088.563	671.554.317
Chênh lệch lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	3.114.014	82.100.880
Các khoản chi phí không được trừ	1.018.159	4.183.328
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	(4.266.108)	(2.235.799)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(2.713.372)	124.911.451
Cán trừ lỗ kỳ trước	(4.796.947)	(179.723.373)
Lãi từ công ty liên kết	(14.959.318)	(18.138.285)
Các khoản khác	6.521.364	5.600.594
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>952.125</b>	<b>291.249</b>
Thuế TNDN hiện hành ước tính	190.425	58.250
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ</b>	<b>190.425</b>	<b>58.250</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	9.230.386	7.772.756
Chênh lệch tỷ giá	16.182	(2.387.567)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>9.436.993</b>	<b>5.443.439</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả	9.722.824	5.729.270
Thuế TNDN trả trước	(285.831)	(285.831)

**29.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu</i>
	<i>6 năm 2023</i>	<i>12 năm 2022</i>	<i>tháng kết thúc</i>	<i>tháng kết thúc</i>
			<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2023</i>	<i>năm 2022</i>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Chênh lệch lãi vay nội bộ ở khía cạnh hợp nhất	57.533.727	53.077.570	4.456.157	(533.379)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	41.771.456	51.076.271	(9.304.815)	18.554.097
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>99.305.183</b>	<b>104.153.841</b>	<b>(4.848.658)</b>	<b>18.020.718</b>
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty con	20.000.000	(20.000.000)	20.000.000	-
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>15.151.342</b>	<b>18.020.718</b>

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT
THACO	Cổ đông lớn, công ty có cùng thành viên HĐQT
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Chuyển Quốc Tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG	Cổ đông lớn, công ty có cùng thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:  
(tiếp theo)

*Bên liên quan*

*Mối quan hệ*

Công ty TNHH Bình Phước Kartie 2  
("Bình Phước Kartie")

Công ty TNHH MTV Daun Penh Agrico ("Daun Penh")

Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas  
("HA Andong Meas")

Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat  
("HA Lumphat")

Công ty TNHH MTV Cây ăn trái Thagrigo Cao Nguyên  
("Thagrigo Cao Nguyên")

Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên  
("Bò Trung Nguyên")

Công ty TNHH Giao nhận Vận chuyển Ô tô và Linh kiện  
phụ tùng Thilogi ("Giao nhận Thilogi")

Công ty TNHH Công Nông Nghiệp Thadico ("Thadico")

Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai  
("Cơ khí Chu Lai")

Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Thaco Chu Lai  
("Bao bì THACO")

Công ty TNHH Sản xuất Nhựa công nghiệp Thaco  
("Nhựa công nghiệp THACO")

Công ty TNHH Phân phối Thaco Auto  
("Phân phối THACO")

Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị Chuyên dụng THACO  
("Thiết bị Chuyên dụng THACO")

Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng  
("Đại Thắng")

Bidiphar

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty con của Công ty  
có cùng thành viên HĐQT

Công ty liên kết



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thaco Agri	Vay	608.700.000	513.800.000
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	266.977.626	325.889.200
	Mua vật tư, hàng hóa và dịch vụ	246.181.111	380.293.964
	Lãi vay	182.558.014	35.885.100
	Bù trừ nợ gốc vay	175.572.519	112.445.629
	Trả gốc vay	46.700.000	52.629.070
	Mua tài sản	-	21.257.913
Cơ khí Chu Lai	Mua vật tư, hàng hóa	58.131.045	26.041.625
Daun Penh	Cán trừ công nợ	39.282.368	-
HA Andong Meas	Cán trừ công nợ	14.600.190	-
	Nhận vật tư	1.063.638	3.684.199
HA Lumphat	Cán trừ công nợ	9.490.536	-
	Nhận vật tư	120.505	1.860.440
Thilogi	Mua dịch vụ	2.510.691	6.693.422
	Vay	-	8.200.000
	Trả gốc vay	-	8.200.000
Thadico	Nhờ chi hộ	1.907.800	2.173.613
HAG	Cán trừ công nợ	185.859	3.578.369

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)</i></b>			
Bò Trung Nguyên	Bán hàng hóa	69.660	69.660
Thagrigo Cao Nguyên	Bán hàng hóa	39.607	-
Đại Thắng	Bán hàng hóa	770	-
HA Andong Meas	Cung cấp dịch vụ	-	498.322
Daun Penh	Cung cấp dịch vụ	-	61.399
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>110.037</b>	<b>629.381</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)</i></b>			
Thaco Agri	Mua hàng hóa	2.242.437	22.627.027
Thadico	Tạm ứng thi công	-	1.886.862
Khác	Mua hàng hóa	4.270	40.310
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>2.246.707</u></b>	<b><u>24.554.199</u></b>
<b><i>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 7)</i></b>			
Thaco Agri	Cán trừ công nợ	71.734.880	127.304.338
Bidiphar	Cổ tức	26.144.558	26.144.558
Thadico	Cán trừ công nợ	10.516.389	6.833.882
Bình Phước Kratie	Cho mượn vật tư	442.680	442.207
Daun Penh	Cho mượn vật tư	156.396	39.729.431
HA Andong Meas	Cán trừ công nợ	15.301	18.367.623
HA Lumphat	Cho mượn	1.495	9.147.194
Khác	Khác	237.403	511.528
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>109.249.102</u></b>	<b><u>228.480.761</u></b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 16)</i></b>			
Thaco Agri	Mua vật tư và dịch vụ	198.930.527	112.713.912
Cơ khí Chu Lai	Mua vật tư	73.594.068	21.720.834
Nhựa công nghiệp THACO	Mua vật tư	39.262.225	5.112.395
Bao bì THACO	Mua vật tư	32.948.519	20.066.276
Phân phối THACO	Mua vật tư	21.634.878	24.300.000
Thiết bị Chuyên dụng THACO	Mua vật tư	9.551.679	-
Giao nhận Thilogi	Mua vật tư và dịch vụ	4.143.286	1.462.740
Thilogi	Mua dịch vụ	2.618.396	2.601.222
Khác	Mua vật tư và dịch vụ	2.578.631	3.741.452
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>385.262.209</u></b>	<b><u>191.718.831</u></b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 17)</i></b>			
Thaco Agri	Ứng tiền mua trái cây	758.894.090	669.793.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngân VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 19)</b>			
Thaco Agri	Lãi vay	338.224.465	98.571.561
	Mua hàng	129.180	128.400
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>338.353.645</b>	<b>98.699.961</b>
<b>Chi phí phải trả dài hạn (TM số 19)</b>			
HAG	Lãi vay	10.485.970	10.466.085
Thaco Agri	Lãi vay	-	57.094.890
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.485.970</b>	<b>67.560.975</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 20)</b>			
Thaco Agri	Cán trừ công nợ	14.202.961	6.039.514
HA Lumphat	Nhận vật tư	793.548	764.040
Daun Penh	Nhận vật tư	423.194	2.241.995
HA Andong Meas	Nhận vật tư	270.454	156.239
Khác	Khác	1.400.868	899.267
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>17.091.025</b>	<b>10.101.055</b>
<b>Phải trả dài hạn khác (TM số 20)</b>			
Cơ khí Chu Lai	Nhờ chi hộ	22.479.014	7.291.021
Daun Penh	Nhờ chi hộ	8.347.660	-
Khác	Khác	1.865.873	1.872.122
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>32.692.547</b>	<b>9.163.143</b>
<b>Vay ngắn hạn (TM số 21.2 và TM số 21.3)</b>			
Thaco Agri	Vay	3.670.836.995	2.530.493.002
HAG	Vay	500.000.000	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.170.836.995</b>	<b>3.030.493.002</b>
<b>Vay dài hạn (TM số 21.3)</b>			
HAG	Vay	1.013.611.114	1.013.552.517
Thaco Agri	Vay	-	586.343.971
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.013.611.114</b>	<b>1.599.896.488</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập (bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác) cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	64.800	72.000
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	30.000
<b>Ban Kiểm soát</b>			
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-
Ông Đặng Công Trực	Thành viên	-	-
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên từ ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	-
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	18.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>64.800</b>	<b>120.000</b>

**31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đến 1 năm	17.724.886	22.358.632
Từ 1 đến 5 năm	74.987.417	89.434.530
Trên 5 năm	668.580.743	724.233.028
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>761.293.046</b>	<b>836.026.190</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các loại ngoại tệ:		
- LAK	469.455.298	890.359.304
- Riels Campuchia (KHR)	213.521.951	578.726.641
- USD	219.170	962.223

**33. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết bảo lãnh***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đang dùng các quyền thuê đất của Nhóm Công ty để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG tại BIDV và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, chi tiết như sau:

- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.852,74 ha tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của CRD.

***Dự phòng bảo hành dự án xây dựng sân bay***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đang tiếp tục thực hiện và hoàn thiện các hạng mục còn lại của sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan, nước Cộng hòa Dân chủ - Nhân dân Lào. Nhóm Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng bảo hành cho các dự án này, vì các dự án chưa được quyết toán hoàn thành và bàn giao cho chủ đầu tư.

Theo quy định tại Hợp đồng về Dự án xây dựng Sân bay Nongkhang, thời gian bảo hành sẽ kéo dài trong thời gian một năm kể từ ngày bàn giao các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

#### 34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

##### 34.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su và các loại cây trồng khác; và
- ▶ Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

### 34.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Nông nghiệp	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ	Ngàn VND
<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	351.897.720	9.919.504	-	361.817.224
Giữa các bộ phận	71.791.828	282.145.102	(353.936.930)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>423.689.548</b>	<b>292.064.606</b>	<b>(353.936.930)</b>	<b>361.817.224</b>
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Kết quả của bộ phận	(55.235.309)	283.771.055	(353.936.930)	(125.401.184)
Chi phí hoạt động				(74.232.377)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính				(199.633.561)
Doanh thu tài chính				5.601.626
Chi phí tài chính				(512.068.214)
Chia lãi từ công ty liên kết				18.138.285
Lỗ kế toán trước thuế				(687.961.864)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(58.250)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại				18.020.718
<b>Lỗ thuần trong kỳ</b>				<b>(669.999.396)</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	10.487.938.366	1.823.438.192		12.311.376.558
Đầu tư vào công ty liên kết	357.606.968	862.796		358.469.764
<b>Tổng tài sản</b>				<b>12.669.846.322</b>
<i>Nợ phải trả của bộ phận</i>				
Nợ phải trả của bộ phận	(9.444.400.319)	(190.973.008)		(9.635.373.327)
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>(9.635.373.327)</b>

## Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 34.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Nông nghiệp	Thương mại và dịch vụ	Loại trừ	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	276.250.857	2.177.021	-	278.427.878
Giữa các bộ phận	37.300.032	168.461.626	(205.761.658)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>313.550.889</b>	<b>170.638.647</b>	<b>(205.761.658)</b>	<b>278.427.878</b>
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Kết quả của bộ phận	167.494.975	(50.221.577)	(205.975.892)	(88.702.494)
Chi phí hoạt động				(36.174.945)
Lỗ trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính				(124.877.439)
Doanh thu tài chính				17.623.314
Chi phí tài chính				(169.759.423)
Chia lãi trong công ty liên kết				14.959.318
Lỗ kế toán trước thuế				(262.054.230)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(190.425)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại				15.151.342
<b>Lỗ thuần trong năm</b>				<b>(247.093.313)</b>
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	10.252.682.827	2.490.714.988	-	12.743.397.815
Đầu tư vào công ty liên kết	345.626.145	-	-	345.626.145
<b>Tổng tài sản</b>				<b>13.089.023.960</b>
Nợ phải trả của bộ phận	(9.828.900.758)	(471.599.851)	-	(10.300.500.609)
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>(10.300.500.609)</b>



# Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

### 34.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản, công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	333.766.818	21.404.430	6.645.976	361.817.224
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	72.753.773	388.208.948	460.962.721
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	1.676.885.015	8.882.260.963	1.780.033.517	12.339.179.495
Đầu tư vào công ty liên kết	330.666.827	-	-	330.666.827
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.007.551.842</b>	<b>8.882.260.963</b>	<b>1.780.033.517</b>	<b>12.669.846.322</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	266.996.029	1.333.529	10.098.320	278.427.878
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	44.169.039	396.813.512	440.982.551
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>				
Các thông tin bộ phận khác				
Tài sản bộ phận	2.535.155.314	8.690.136.584	1.518.105.917	12.743.397.815
Đầu tư vào công ty liên kết	345.626.145	-	-	345.626.145
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.880.781.459</b>	<b>8.690.136.584</b>	<b>1.518.105.917</b>	<b>13.089.023.960</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Nguyễn Văn Tiên  
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi  
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023